

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2012/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 02 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại
cho Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 79/2010/QĐ-TTg ngày 30/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 34/2011/TTLT/BTTTT-BNG ngày 24/11/2011 của liên Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc phối hợp thi hành Quy chế quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại ban hành kèm theo Quyết định số 79/2010/QĐ-TTg ngày 30/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 298/2008/QĐ-UBND ngày 26/9/2008 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 179/TTr-STTTT ngày 02/11/2011; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 216/BC-STP ngày 14/12/2011 và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 1627/SNV ngày 27/12/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại cho Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Ngãi, như sau:

“Tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn để cùng phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại của tỉnh.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Cao Khoa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2011/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế cho vay đối với hộ nghèo
từ nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Chi nhánh
Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ và tổ chức hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Thông tư số 161/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện qui chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 27/01/2011 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội về ban hành quy định xử lý nợ bị rủi ro trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Ngãi tại Tờ trình số 1143/TTr-NHCS ngày 26/12/2011 và thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 220/BC-STP ngày 26/12/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế cho vay đối với hộ nghèo từ nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 75/2006/QĐ-UBND ngày 19/12/2006 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế cho vay đối với hộ nghèo thuộc nguồn vốn địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Giám đốc các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này../.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Cao Khoa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Cho vay đối với hộ nghèo từ nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Chi
nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Ngãi**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này điều chỉnh hoạt động cho vay đối với hộ nghèo thuộc nguồn vốn địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng Quy chế này là Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) tỉnh Quảng Ngãi (bao gồm các Phòng giao dịch NHCSXH huyện) và các tổ chức chính trị - xã hội nhận uỷ thác cho vay của Chi nhánh NHCSXH (sau đây gọi tắt là bên cho vay) và hộ vay vốn là hộ nghèo (gọi tắt là hộ vay).

Điều 2. Mục đích cho vay

Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay ưu đãi đối với hộ nghèo, nhằm giúp hộ nghèo vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, cải thiện đời sống, thoát nghèo nhanh và bền vững, góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo và việc làm tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015 và các năm tiếp theo.

Điều 3. Nguyên tắc vay vốn

1. Hộ vay vốn phải sử dụng vốn đúng mục đích.
2. Hộ vay vốn phải trả đủ nợ gốc và lãi đúng thời hạn đã thỏa thuận.

Điều 4: Nguồn vốn cho vay và tổ chức chuyển vốn

1. Nguồn vốn cho vay:

a. Nguồn vốn cho vay theo Quy chế này được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của tỉnh và các huyện, thành phố chuyển sang Ngân hàng Chính sách xã hội cùng cấp để cho vay đối với hộ nghèo.

b. Nguồn vốn hỗ trợ của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước.

c. Các nguồn vốn hỗ trợ hợp pháp khác.

2. Tổ chức chuyên vốn

Hàng năm, trên cơ sở nguồn vốn được bố trí trong dự toán chi ngân sách địa phương, Sở Tài chính chuyển vốn sang Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Chi nhánh NHCSXH tỉnh trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phân vốn cho các huyện, thành phố để cho vay theo quy định.

Chương II **QUY ĐỊNH CHO VAY**

Điều 5. Điều kiện để được vay vốn

1. Hộ nghèo vay vốn phải có địa chỉ cư trú hợp pháp và phải có tên trong danh sách những hộ thuộc diện nghèo của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND xã) theo chuẩn hộ nghèo hiện hành, phải là thành viên của Tổ tiết kiệm và vay vốn, được Tổ tiết kiệm và vay vốn bình xét, có xác nhận của UBND cấp xã (theo mẫu quy định của NHCSXH).

2. Những đối tượng sau đây không thuộc diện xét vay vốn tại Quy chế này: Hộ nghèo thuộc diện chính sách xã hội như: già cả neo đơn, tàn tật, mất khả năng lao động; thiếu ăn được ngân sách nhà nước trợ cấp, những hộ độc thân đang thi hành án hoặc phải thực hiện các nghĩa vụ về tài sản theo quyết định hoặc bản án đã có hiệu lực pháp luật, những hộ nghèo mà UBND cấp xã loại ra khỏi danh sách vay vốn vì mắc tệ nạn cờ bạc, nghiện hút, lừa đảo lao động.

Điều 6. Việc sử dụng vốn vay

Vốn vay được sử dụng vào các việc sau:

1. Vốn vay để sản xuất, kinh doanh:

a. Mua sắm các loại vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp: Giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn gia súc, gia cầm...

b. Mua sắm các công cụ lao động nhỏ như: cày, bừa, cuốc, thuổng, bình phun thuốc...

c. Các chi phí thuê lao động như: Thuê làm đất, bơm nước, dịch vụ thú y, bảo vệ thực vật...

d. Đầu tư làm các nghề thủ công trong hộ gia đình như: Mua nguyên vật liệu sản xuất, công cụ lao động thủ công, máy móc nhỏ...

e. Đầu tư nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thủy hải sản quy mô nhỏ.

f. Góp vốn thực hiện các phương án sản xuất kinh doanh của cộng đồng được được chính quyền địa phương cho phép hoạt động.

2. Vốn vay để cải thiện nhà ở:

Cho vay đối với hộ nghèo để sửa lại nhà ở bị hư hại, dột nát. Vốn vay được sử dụng vào việc mua sắm nguyên vật liệu xây dựng, chi trả tiền công thuê lao động.

3. Vốn vay giải quyết nhu cầu về điện sinh hoạt:

a. Vốn vay dùng để chi phí lắp đặt đường dây dẫn điện từ mạng chung của thôn, xã tới hộ vay như: Cột, dây dẫn, thiết bị thấp sáng.

b. Cho vay để góp vốn vào việc xây dựng các dự án: Thủy điện nhỏ, điện dùng sức gió, năng lượng mặt trời hoặc mua máy phát điện cho một nhóm hộ gia đình ở nơi chưa có điện lưới quốc gia.

Điều 7: Loại vay và thời hạn cho vay

1. Loại cho vay:

a. Cho vay ngắn hạn: là các khoản vay có thời hạn cho vay đến 12 tháng.

b. Cho vay trung hạn: là các khoản vay có thời hạn cho vay từ trên 12 tháng đến 60 tháng.

2. Thời hạn cho vay:

Bên cho vay và hộ vay thỏa thuận về thời hạn cho vay căn cứ vào các nội dung sau:

a. Mục đích sử dụng vốn vay;

b. Chu kỳ sản xuất kinh doanh (đối với cho vay sản xuất, kinh doanh, dịch vụ);

c. Khả năng trả nợ của hộ vay;

d. Nguồn vốn cho vay của NHCSXH.

Điều 8. Lãi suất cho vay

Lãi suất cho vay và lãi suất nợ quá hạn áp dụng đối với cho vay hộ nghèo từ nguồn vốn địa phương thực hiện như lãi suất cho vay và lãi suất nợ quá hạn áp dụng đối với cho vay hộ nghèo do NHCSXH quy định chung trong phạm vi cả nước, phù hợp với quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ.

Ngoài lãi suất cho vay, hộ vay không phải trả thêm bất kỳ một khoản phí nào khác.

Điều 9. Phương thức cho vay

Việc cho vay áp dụng phương thức cho vay từng lần. Mỗi lần vay vốn, hộ vay vốn và bên cho vay thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết theo qui định tại Quy chế này.

Điều 10. Mức cho vay

Mức cho vay đối với từng hộ vay căn cứ vào: nhu cầu vay vốn, vốn tự có và khả năng trả nợ của hộ vay. Một hộ có thể vay vốn một hay nhiều lần nhưng tổng dư nợ

không vượt quá mức dư nợ cho vay tối đa đối với một hộ nghèo do Hội đồng quản trị NHCSXH quyết định và công bố từng thời kỳ.

Mức vay tối đa được áp dụng hiện nay theo quy định của NHCSXH Việt Nam là 30 triệu đồng/hộ.

Điều 11. Bộ hồ sơ cho vay

1. Bộ hồ sơ cho vay được NHCSXH cấp miễn phí và thống nhất in sẵn trên phạm vi toàn quốc.

2. Danh mục hồ sơ cho vay, lập hồ sơ cho vay và lưu giữ hồ sơ cho vay theo quy định về nghiệp vụ của NHCSXH.

Điều 12. Quy trình và thủ tục cho vay

1. Đối với hộ vay:

a. Tự nguyện gia nhập tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV).

b. Viết giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (theo mẫu quy định của NHCSXH) gửi Tổ TK&VV.

c. Khi giao dịch với Bên cho vay, người vay hoặc người thừa kế hợp pháp phải có Chứng minh nhân dân (CMND), trường hợp không có CMND thì phải có Giấy xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú.

2. Đối với tổ tiết kiệm và vay vốn:

a. Nhận giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay của tổ viên.

b. Tổ chức họp tổ để bình xét những hộ nghèo đủ điều kiện vay vốn, lập danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (theo mẫu quy định của NHCSXH) kèm giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay của các tổ viên trình UBND cấp xã.

c. UBND cấp xã xác nhận các hộ xin vay vốn đúng là những hộ thuộc diện nghèo theo quy định và hiện đang cư trú hợp pháp tại xã, trên danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (theo mẫu quy định của NHCSXH) để gửi Bên cho vay xem xét, giải quyết.

d. Sau khi có xác nhận của UBND cấp xã, Tổ có trách nhiệm gửi bộ hồ sơ xin vay tới NHCSXH nơi cho vay để làm thủ tục phê duyệt cho vay.

e. Thông báo kết quả phê duyệt danh sách các hộ được vay, lịch giải ngân và địa điểm giải ngân tới tổ viên để tiếp tục thực hiện các khâu còn lại trong quy trình vay vốn.

3. Đối với Bên cho vay:

a. Cán bộ tín dụng tập hợp Giấy đề nghị vay vốn và Danh sách theo mẫu quy định từ các xã (phường, thị trấn) gửi lên, kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của bộ hồ sơ vay vốn để trình Thủ trưởng xem xét, phê duyệt cho vay.

Trường hợp người vay không có đầy đủ thủ tục vay vốn theo quy định thì cán bộ tín dụng trả lại hồ sơ và hướng dẫn Tổ TK&VV và người vay làm lại hồ sơ và thủ tục theo quy định.

b. Sau khi danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn theo mẫu quy định được phê duyệt, Bên cho vay gửi thông báo kết quả phê duyệt tới UBND cấp xã (theo mẫu quy định của NHCSXH).

c. Bên cho vay cùng với hộ vay lập sổ vay vốn (theo mẫu quy định của NHCSXH).

d. Cùng với Tổ TK&VV tổ chức giải ngân trực tiếp đến hộ vay tại trụ sở Bên cho vay hoặc tại Điểm giao dịch xã (phường, thị trấn) theo thông báo của Bên cho vay.

Điều 13. Định kỳ hạn trả nợ, thu nợ, thu lãi

Vốn vay phải được hoàn trả đầy đủ cả gốc và lãi theo đúng thời hạn đã cam kết.

1. Thu nợ gốc: Bên cho vay tổ chức việc thu nợ gốc trực tiếp tới từng hộ vay theo quy định sau:

a. Món vay ngắn hạn: thu nợ gốc một lần khi đến hạn.

b. Món vay trung hạn: phân kỳ trả nợ nhiều lần: 06 tháng hoặc 01 năm một lần do Bên cho vay và hộ vay thỏa thuận.

2. Thu lãi:

a. Hình thức thu lãi: Thu lãi theo định kỳ hàng tháng.

b. Đối với khoản nợ trong hạn, thực hiện thu lãi định kỳ hàng tháng.

c. Các khoản nợ quá hạn thu gốc đến đâu thu lãi đến đó. Riêng các khoản nợ khó đòi (quá hạn trên 360 ngày) ưu tiên thu gốc trước thu lãi sau. Số lãi chưa thu được hạch toán ngoại bảng để có kế hoạch thu sát với thực tế.

d. Việc tổ chức thu lãi, thu tiết kiệm (nếu có) Bên cho vay ủy nhiệm cho Tổ TK&VV thu hộ. Mọi trường hợp ủy nhiệm cho tổ thu lãi, thu tiết kiệm đều phải ký kết Hợp đồng ủy nhiệm giữa Bên cho vay với Tổ TK&VV.

Điều 14. Xử lý nợ đến hạn

1. Cho vay lưu vụ: Việc cho vay lưu vụ áp dụng đối với các khoản vay ngắn hạn và trung hạn, bao gồm các ngành nghề sản xuất, kinh doanh có chu kỳ tiếp theo chu kỳ sản xuất, kinh doanh trước. Điều kiện, quy trình thủ tục cho vay lưu vụ thực hiện theo văn bản hiện hành của NHCSXH.

2. Điều chỉnh kỳ hạn nợ: Trường hợp hộ vay có khó khăn, chưa trả được nợ gốc theo đúng kỳ hạn trả nợ theo phân kỳ trả nợ đã thỏa thuận thì được theo dõi vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo (không chuyển nợ quá hạn của từng kỳ hạn và người vay không phải làm thủ tục điều chỉnh kỳ hạn nợ).

3. Gia hạn nợ

a. Trường hợp hộ vay không trả nợ đúng hạn do thiên tai, dịch bệnh hoặc những nguyên nhân khách quan khác, đã được bên cho vay kiểm tra xác nhận và có giấy đề nghị gia hạn nợ, thì bên cho vay xem xét cho gia hạn nợ.

b. Thời gian cho gia hạn nợ: Bên cho vay có thể thực hiện việc gia hạn nợ một hay nhiều lần đối với một khoản vay nhưng tổng số thời gian cho gia hạn nợ không quá 24 tháng đối với cho vay ngắn hạn và không quá thời gian cho vay ghi trên sổ vay vốn đối với cho vay trung hạn. Thời gian cho gia hạn nợ từng lần tối đa không quá 12 tháng đối với loại cho vay ngắn hạn và không quá 1/2 thời gian cho vay ghi trên sổ vay vốn đối với loại cho vay trung hạn.

4. Chuyển nợ quá hạn:

a. Các trường hợp chuyển nợ quá hạn:

Hộ vay sử dụng vốn sai mục đích.

Hộ vay có khả năng trả món nợ đến hạn nhưng không trả hoặc đến kỳ trả nợ cuối cùng mà hộ vay không được gia hạn nợ hoặc không được cho vay lưu vụ thì bên cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn.

b. Sau khi chuyển sang nợ quá hạn, bên cho vay thực hiện các biện pháp thu hồi nợ.

5. Thủ tục gia hạn nợ: Trường hợp hộ vay có nhu cầu gia hạn nợ đối với khoản nợ đến hạn trả nợ cuối cùng, thì viết Giấy đề nghị gia hạn nợ (theo mẫu quy định của NHCSXH) gửi NHCSXH nơi cho vay chậm nhất 5 ngày trước ngày đến hạn. Cán bộ tín dụng kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của thủ tục xin gia hạn nợ và ghi vào Giấy đề nghị gia hạn nợ trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, quyết định cho gia hạn nợ.

Điều 15. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Phạm vi xử lý nợ bị rủi ro: Chỉ xử lý đối với các trường hợp hộ vay vốn bị rủi ro do nguyên nhân khách quan; các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân chủ quan của tổ chức, cá nhân vay vốn tại NHCSXH thì tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc, biện pháp, thời điểm, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội, Thông tư số 161/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện qui chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 27/01/2011 của Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH về việc ban hành quy định xử lý nợ bị rủi ro trong hệ thống NHCSXH và những văn bản hiện hành của NHCSXH Việt Nam.

3. Về thẩm quyền và trách nhiệm xử lý nợ bị rủi ro:

a. Chủ tịch UBND tỉnh: Quyết định xóa nợ (gốc, lãi) cho tất cả các trường hợp đủ điều kiện xóa nợ theo hướng dẫn của NHCSXH, trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính đối với nguồn vốn Ngân sách tỉnh, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

b. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội tổ chức kiểm tra hồ sơ đề nghị xóa nợ cho khách hàng, báo cáo các cấp có thẩm quyền quyết định xóa nợ.

c. Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh: Quyết định cho khoan nợ đối với tất cả các hộ vay vốn từ nguồn vốn ngân sách tỉnh bị thiệt hại đủ điều kiện khoan nợ theo hướng dẫn của NHCSXH, trên cơ sở đề nghị của Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

d. Riêng nguồn vốn ủy thác do UBND huyện, thành phố chuyển sang: thẩm quyền và trách nhiệm xử lý rủi ro do Chủ tịch UBND và Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị (HDQT) huyện, thành phố quyết định căn cứ theo Quy chế này, trên cơ sở đề nghị của Phòng Tài chính Kế hoạch, Phòng Lao động - Thương binh & Xã hội và NHCSXH nơi cho vay.

e. Giám đốc NHCSXH tỉnh, huyện:

Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện:

Quyết định gia hạn nợ đối với hộ vay vốn trên địa bàn huyện.

Trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH huyện quyết định khoan nợ đối với các khoản nợ bị thiệt hại rủi ro từ nguồn vốn Ngân sách huyện.

Tổng hợp hồ sơ đề nghị xóa nợ, gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch trình Chủ tịch UBND huyện quyết định xóa nợ đối với các khoản nợ bị thiệt hại rủi ro từ nguồn vốn ngân sách huyện.

Tổng hợp các khoản nợ bị thiệt hại rủi ro từ nguồn vốn ngân sách tỉnh đối với các khoản nợ đề nghị khoan nợ, xóa nợ gửi Chi nhánh NHCSXH tỉnh để tổng hợp trình Trưởng Ban đại diện HDQT NHCSXH tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định xử lý theo Quy chế này.

Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh:

Quyết định gia hạn nợ đối với hộ vay vốn trên địa bàn Thành phố.

Trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Thành phố quyết định khoan nợ đối với các khoản nợ bị thiệt hại rủi ro từ nguồn vốn ngân sách thành phố.

Tổng hợp hồ sơ đề nghị xóa nợ, gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố trình Chủ tịch UBND thành phố quyết định xóa nợ đối với các khoản nợ bị thiệt hại bị rủi ro từ nguồn vốn ngân sách thành phố, báo cáo cho Hội đồng nhân dân thành phố.

Tổng hợp các khoản nợ bị thiệt hại rủi ro từ nguồn vốn ngân sách tỉnh đối với các khoản nợ đề nghị xóa nợ từ các huyện, thành phố trình Sở Tài chính để chủ trì, phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội tổ chức kiểm tra và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định xóa nợ.

Tổng hợp các khoản nợ bị thiệt hại rủi ro từ nguồn vốn ngân sách tỉnh đối với các khoản nợ đề nghị khoan nợ từ các huyện, thành phố trình Trưởng Ban đại diện HDQT NHCSXH tỉnh xem xét, quyết định cho khoan nợ.

Tổ chức chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện đúng quy định tại quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

4. Về nguồn vốn xử lý nợ bị rủi ro:

a. Nguồn vốn để xóa nợ cho khách hàng được lấy từ quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được trích từ nguồn thu lãi cho vay từ nguồn vốn ngân sách từng cấp. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh, huyện báo cáo Chủ tịch UBND cùng cấp xem xét, quyết định cấp kinh phí bù đắp hoặc giảm trừ nguồn vốn cho vay.

b. Nguồn vốn để gia hạn nợ, khoan nợ cho hộ vay được tính trong tổng nguồn vốn ủy thác hoạt động hàng năm của NHCSXH.

Điều 16. Kiểm tra vốn vay

1. Kiểm tra trước khi cho vay: Trước khi phát tiền vay cho người vay, NHCSXH nơi cho vay phải kiểm tra:

Người vay phải là thành viên của Tổ tiết kiệm và vay vốn do tổ chức chính trị - xã hội thành lập theo văn bản hướng dẫn của NHCSXH.

Người vay có tên trong danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (theo mẫu quy định của NHCSXH) do Tổ tiết kiệm và vay vốn bình xét, lập danh sách và được UBND cấp xã xác nhận.

2. Kiểm tra trong khi cho vay: kiểm tra việc giải ngân phải đúng tên hộ vay trong danh sách đã được phê duyệt.

3. Kiểm tra sau khi cho vay:

a. Bên cho vay thực hiện việc kiểm tra sử dụng vốn vay theo định kỳ hoặc đột xuất khi cần thiết, thực hiện việc đối chiếu nợ công khai ít nhất một năm một lần.

b. Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp tổ chức các đợt kiểm tra cơ sở theo định kỳ và đột xuất, ít nhất một năm một lần.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Đối với hộ nghèo vay vốn:

a. Có quyền trả nợ trước hạn và từ chối các yêu cầu của bên cho vay trái với quy định tại Quy chế này.

b. Có nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi) đầy đủ, kịp thời; phải kê khai đầy đủ, trung thực các thông tin liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin đã cung cấp; thực hiện đầy đủ các cam kết ghi trong hồ sơ vay vốn.

2. Đối với bên cho vay:

a) Có quyền từ chối yêu cầu của hộ vay trái với quy định tại văn bản này và yêu cầu hộ vay trả nợ trước hạn nếu phát hiện hộ vay sử dụng vốn sai mục đích.

b) Có trách nhiệm lưu giữ đầy đủ hồ sơ tín dụng theo quy định tại văn bản này.

Điều 18. Quy định về trích lập quỹ dự phòng rủi ro tín dụng

Chi nhánh NHCSXH tỉnh được trích lập quỹ dự phòng rủi ro tín dụng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại khi cho vay do nguyên nhân khách quan như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chính sách của Nhà nước thay đổi hoặc biến động giá cả thị trường. Mức trích dự phòng rủi ro tín dụng được xác định bằng 0,02% trên dư nợ bình quân năm.

Điều 19. Quản lý nguồn thu lãi cho vay và chi phí quản lý.

Chi nhánh NHCSXH tỉnh trực tiếp quản lý các khoản thu lãi cho vay và thực hiện chi phí quản lý như sau:

1. Chi trả hoa hồng cho Tổ tiết kiệm và vay vốn được uỷ nhiệm thu lãi, thu tiền gửi tiết kiệm (hiện nay là 0,085%/tháng tính trên dư nợ có thu được lãi, công thức tính theo hướng dẫn của NHCSXH TW), mức hoa hồng thay đổi theo sự thống nhất giữa NHCSXH TW và các Hội đoàn thể TW.

2. Chi trả phí uỷ thác cho tổ chức Hội nhận uỷ thác cho vay (hiện nay là 0,045%/tháng tính trên dư nợ có thu được lãi, công thức tính theo hướng dẫn của NHCSXH TW), mức phí uỷ thác thay đổi theo sự thống nhất giữa NHCSXH TW và các Hội đoàn thể TW.

3. Trích lập Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng bằng 0,02% trên số dư nợ bình quân năm. Quỹ dự phòng rủi ro được trích lập, hạch toán và quản lý theo quy định để bù đắp những tổn thất, thiệt hại do nguyên nhân khách quan như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, rủi ro bất khả kháng hoặc chính sách của Nhà nước thay đổi, biến động giá cả thị trường.

4. Trích 10% số lãi thực thu để chi phí cho hoạt động Ban Đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, chi khen thưởng cho những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động cho vay hộ nghèo và đối tượng chính sách khác.

5. Phần còn lại để bù đắp một phần chi phí quản lý của NHCSXH như: giấy tờ in, chi phí vận chuyển tiền giải ngân, chi phí quản lý vốn, các hoạt động khác.

Chương III**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 20. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương****1. Sở Tài chính:**

Hàng năm phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bổ sung nguồn vốn ngân sách địa phương để Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh cho vay theo quy định; thực hiện kiểm tra tình hình và kết quả sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương; thẩm định hồ sơ khách hàng vay vốn bị rủi ro xin xoá nợ, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định; thực hiện kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi thu được theo Điều 19 Quy chế này.

2. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện kiểm tra việc xác nhận hộ nghèo vay vốn của UBND xã theo đúng quy định và phối hợp cùng Sở Tài chính thực hiện các nội dung khác quy định tại Quy chế này.

3. Các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh.

Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ Tiết kiệm và vay vốn để thực hiện uỷ thác cho vay;

Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản Liên tịch và Hợp đồng uỷ thác đã ký với Ngân hàng Chính sách xã hội.

4. Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH các huyện.

Thực hiện giải ngân, thu hồi nợ; sử dụng vốn thu hồi để cho vay quay vòng;

Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ, lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro theo quy định;

Định kỳ 6 tháng, năm báo cáo kết quả thực hiện cho vay nguồn vốn uỷ thác gửi UBND tỉnh và các sở, ngành cơ quan liên quan.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Chỉ đạo các cơ quan chức năng, cơ quan thực hiện chương trình và Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện thực hiện đúng cơ chế, chính sách cho vay từ nguồn vốn uỷ thác.

Hàng năm xây dựng kế hoạch, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp trích ngân sách huyện, thành phố chuyển qua NHCSXH để cho vay theo Quy chế này.

Trên cơ sở các nội dung nêu tại Điểm 1 Điều 20 Quy chế này, chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và NHCSXH huyện tổ chức kiểm tra hồ sơ nợ bị rủi ro đối với nguồn vốn uỷ thác do UBND huyện, thành phố chuyển sang, báo cáo Chủ tịch UBND và Trưởng Ban Đại diện NHCSXH huyện, thành phố xem xét, quyết định.

Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: Chịu trách nhiệm xét duyệt đối tượng vay vốn; phối hợp với NHCSXH, các tổ chức chính trị - xã hội nhận uỷ thác, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc thu hồi nợ, xử lý nợ bị rủi ro theo quy định tại Quy chế này.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề phát sinh các cơ quan, đơn vị, địa phương phải kịp thời báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh) để sửa đổi bổ sung, trong khi chờ ý kiến của UBND tỉnh, Chi nhánh NHCSXH tỉnh được thực hiện theo các văn bản hiện hành của Chính phủ, Bộ ngành và NHCSXH Việt Nam.

Các nội dung không quy định tại Quy chế này thì áp dụng theo văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Bộ ngành và NHCSXH Việt Nam./.